

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLI	7:25	22	0		22	0	
2		KNT+BK9	7:25	13+6	0+0		13+8	0+0	
3		CLI+CTK3	7:25	11+11	0+0		10+12	0+0	
4		KNT+P6+PBDA	9:25	11+8+0	0+0+0		7+3+8	0+0+0	
5		MRM+BK16+BK20	9:25	12+4+4	0+0+0		11+3+7	0+0+0	
6		MRM+P9	9:25	19+0	0+0		16+3	0+0	
7		BK9+BK14	11:40	11+11	0+0		1+16	0+0	chuyen 10 bk9-bk14
8		CTK3+RCDM	11:40	22+0	0+0		20+2	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 22/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: CLI	CREW: LINH - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3259	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KHOROSHENKOV A.A.	CLI	97	1	6			78	KH-THAC	Russian
2	TRƯƠNG HIỀN	CLI	81	1	9			91	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HỮU DƯƠNG	CLI	95-96	2	8			64	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MINH TIẾN	CLI	90	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN HIỆP	CLI	94	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TUẤN	CLI	84	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG NGẠN	CLI	80	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ ĐÌNH VĂN	CLI	88	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN NHÂN	CLI	91	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	87	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ DUY CƯỜNG	CLI	86	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU THÔNG	CLI	77-78	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	CLI	82	1	5			108	KH-THAC	Vietnamese
14	ARTIUSHIN I A	CLI	83	1	10			86	ANTOAN	Russian
15	NGUYỄN TRẦN GIANG NAM	CLI	85	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	98	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
17	HUỲNH TRỌNG KIM	CLI	89	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ANH VIỆT	CLI	79	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	CLI	92	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH LONG	CLI	93	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH BÌNH	CLI	75-76	2	17			64	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI PHÚC LINH	CLI	99	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLI	22	1.659	25	157	0	0	22		
TOTAL		22	1.659	25	157	0	0	22		
WEIGHT KG			1.659		157		0			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 22/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: KNT - BK9	CREW: HUNG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3256	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KEVIN JAMIE HOWLETT	KNT	23	1	11			85	BORR	British
2	NEERAJ MEHTA	KNT	21-22	2	19			90	BORR	Indian
3	VENKATESH PAIGINIKAR	KNT	17-18	2	13			81	BORR	Indian
4	RUSTAM EFENDI	KNT	06-07	2	17			82	CONNECT ENERGY	Indonesian
5	NILESH SUBASH SHIRKE	KNT	15-16	2	15			74	CONNECT ENERGY	Indian
6	MUTHUKUMAR SHUNMUGAIAH	KNT	19-20	2	15			84	CONNECT ENERGY	Indian
7	NGUYEN PHAM HOAI CHAU	KNT	14	1	9			66	ISOS	Vietnamese
8	KRISHNA SHANKAR SHELAR	KNT	12-13	2	12			73	CONNECT ENERGY	Indian
9	RAVI BABU NALLI	KNT	10-11	2	16			100	CONNECT ENERGY	Indian
10	KAMAL DEEP KAMBOJ	KNT	08-09	2	6			78	CONNECT ENERGY	Indian
11	LÊ MINH HOÀNG	KNT	04-05	2	16			87	PVDWS	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN ANH	KNT	03	1	14			80	PVDWS	Vietnamese
13	LÊ VĂN PHÚC	KNT	02	1	10			75	SCHLUMBER	Vietnamese
14	ĐẶNG HOÀNG ANH	BK9	98	1	11	2	35	87	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN XUÂN	BK9						71	DK9	Vietnamese
16	VÕ THẾ HẬU	BK9	97	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NĂM	BK9	95-96	2	15			73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	BK9	92-93	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC THUẬN	BK9	94	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	13	1.055	22	173	0	0	13		
2	BK9	6	434	7	53	2	35	8		
TOTAL		19	1.489	29	226	2	35	21		
WEIGHT KG			1.489		226		35			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 22/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: CLI - CTK3	CREW: NAM - MTHAO - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/3262		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN MINH DÂN	CLI	35	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN THỦY	CLI	38	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	41-42	2	12	1	12	74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	CLI	40	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC ANH	CLI						67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGUYỄN KINH CHÂU	CLI	34	1	5			67	VIỆT PHÁT	Vietnamese
7	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG VŨ	CLI	37	1	8			79	DSNO	Vietnamese
8	ĐÀO THỊ MINH NGÀ	CLI	33	1	5			65	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	CLI						76	PSV	Vietnamese
10	TRẦN HIỆP	CLI	36	1	5			62	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	39	1	6			50	YTE	Vietnamese
12	TUPITSIN A	CTK3	70-71	2	15	2	40	90	KH-THAC	Russian
13	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	800	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
14	BÙI TIẾN DŨNG	CTK3	76	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH NHO HOÀNG	CTK3	72	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CTK3						72	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ XUÂN QUÝ	CTK3	900	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG HẢI	CTK3	75	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
19	BÙI VĂN BẮC	CTK3						51	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH TUẤN	CTK3	74	1	9			79	ANTOAN	Vietnamese
21	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	73	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ XUÂN THÀNH	CTK3	99	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLI	11	777	10	63	1	12	0	10	0
2	CTK3	11	800	10	79	2	40	0	12	DIEU PHAI NGOI GHE PHU DINH HONG THANG, VE: PHAM HUU TUNG
TOTAL		22	1.577	20	142	3	52	0	22	
WEIGHT KG			1.577		142		52			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 22/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: KNT - P6 - PBDA	CREW: HUNG - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/3257	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TRUNG	KNT	24	1	11			72	PVD OFF-RE	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY TƯ	KNT	26	1	15			64	PVD OFF-RE	Vietnamese
3	ĐẬU HUY HOÀNG	KNT	27-28	2	8			66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG MINH	KNT	25	1	4			64	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HUY	KNT	35	1	5			86	PSV	Vietnamese
6	LÊ TUẤN VŨ	KNT	30	1	8			103	PSV	Vietnamese
7	VŨ VĂN HÙNG	KNT	29	1	5			60	PSV	Vietnamese
8	TRAN TRUNG HIEU	KNT	34	1	5			74	PVDO	Vietnamese
9	HUYNH VIET TRUNG	KNT	33	1	9			56	PVDO	Vietnamese
10	CAO VAN THANG	KNT	36	1	14			70	PVDWS	Vietnamese
11	TRUONG NHAT QUANG	KNT	31-32	2	18			80	PVD LOG	Vietnamese
12	HÀ XUÂN THÀNH	P6	49	1	5			116	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ TIẾN PHÁT	P6	53	1	12	1	13	76	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG XUÂN HUY	P6	44-45	2	20	2	24	60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P6	48	1	14	1	10	68	XAYLAP	Vietnamese
16	BÙI TRỌNG TRIỀU	P6	50-51	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC LONG	P6	54	1	18			59	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN SƠN ANH	P6	47	1	15			93	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN GIA HIẾU	P6	46	1	18			65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	11	795	13	102	0	0	7		
2	P6	8	607	10	122	4	47	2		
3	PBDA	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		19	1.402	23	224	4	47	20		
WEIGHT KG			1.402		224		47			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 22/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: TIM-2	TO: MRM - BK16 - BK20	CREW: LINH - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/3260	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN SỸ TUẤN	MRM	77	1	16			69	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	MRM	72	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
3	LÃ QUÝ DANH	MRM	71	1	9			56	DVL	Vietnamese
4	VŨ VĂN THÙY	MRM	69-70	2	16			70	DVL	Vietnamese
5	PRATHAMESH KHEDEKAR	MRM	79	1	10	1	12	76	SCHLUMBERGER	Indian
6	TIKHONOV EVGENY	MRM						108	AMHGP	Russian
7	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	78	1	8			83	AMHGP	Russian
8	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	76	1	7			83	AMHGP	Russian
9	SHCHETININ IVAN	MRM	75	1	9			75	AMHGP	Russian
10	KAREBIN SPARTAK	MRM	67-68	2	12			99	AMHGP	Russian
11	ANOSOV VLADIMIR	MRM	65-66	2	7			89	AMHGP	Russian
12	KHATISOV RUSLAN	MRM	73-74	2	11			75	AMHGP	Russian
13	NGUYỄN TRỌNG MINH	BK16	62	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ CÔNG TIẾN	BK16	60	1	13			78	ANTOAN	Vietnamese
15	LƯƠNG MẠNH GIANG	BK16	61	1	10			70	ANTOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN THỊNH	BK16	63-64	2	11	1	16	63	PSV	Vietnamese
17	TRẦN GIÁP TUẤT	BK20	82	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HOÀNG ANH	BK20	83	1	6			113	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG DƯ KHÁNH	BK20	81	1	17			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TUẤN	BK20	84	1	10			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	12	964	15	116	1	12	11		
2	BK16	4	278	5	42	1	16	3		
3	BK20	4	332	4	40	0	0	7		
TOTAL		20	1.574	24	198	2	28	21		
WEIGHT KG			1.574		198		28			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 22/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: VÀNG-2	TO: MRM - P9	CREW: NAM - MTHAO - TÚ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/3263	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NIKOLAEV OLEG	MRM	41-42	2	11			91	AMHTP	Russian
2	KOROL YURIY	MRM	46	1	14			79	AMHTP	Russian
3	NGUYỄN VĂN SỸ	MRM	51	1	6	2	21	55	AMHTP	Vietnamese
4	PHẠM CAO MINH	MRM	52-53	2	10			88	AMHTP	Vietnamese
5	ISLAMOV ILDAR	MRM	32	1	10			109	AMHTP	Russian
6	BAROV VALERII	MRM	39-40	2	14			75	AMHTP	Russian
7	MAKAROV KONSTANTIN	MRM	49-50	2	7			91	AMHTP	Russian
8	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	34-35	2	10			82	AMHTP	Russian
9	KOVALCHUK MIKHAIL	MRM	43-44	2	13			94	AMHTP	Russian
10	SHURUPOV PAVEL	MRM	31	1	16			88	AMHTP	Russian
11	KOSTRYKIN ALEKSANDR	MRM	37-38	2	15			75	AMHTP	Russian
12	VORONCHKIN VITALII	MRM	29-30	2	10			97	AMHTP	Russian
13	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	33	1	9			88	AMHTP	Russian
14	NIKULIN LEONID	MRM	45	1	13			99	AMHTP	Russian
15	SHCHERBAKOV MAXIM	MRM	47-48	2	16			93	AMHTP	Russian
16	ZASTAVNYI VASILII	MRM	36	1	11			81	AMHTP	Russian
17	LÊ HỒNG SƠN	MRM	56	1	9	1	15	66	AMHTP	Vietnamese
18	VŨ ANH TUẤN	MRM	54	1	6	3	19	67	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG MINH	MRM	55	1	7			74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	19	1.592	28	207	6	55	16		
2	P9	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	1.592	28	207	6	55	19		
WEIGHT KG			1.592		207		55			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

TRẦN HỒNG NAM
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 22/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK9 - BK14	CREW: HUNG - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/3258	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HONG MINH	BK9	69	1	16			94	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC DANH	BK9	58	1	3	1	8	61	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	BK9	70	1	12	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN VINH	BK9	56-57	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ BÁ QUYỀN	BK9	66-68	3	18			57	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HUNG	BK9	54-55	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	BK9	60	1	16	1	12	63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	BK9	64	1	16	1	9	65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	BK9	62	1	14	1	8	62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGÔ VĂN TỈNH	BK9	53	1	13			64	ANTOAN	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG QUÂN	BK9	52	1	7			78	ANTOAN	Vietnamese
12	PHẠM THÀNH TÀI	BK14	47	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	56	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ANH TUẤN (17373)	BK14	50	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN HẢI VIỆT	BK14	46	1	6			93	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	BK14	45	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MINH ĐỨC	BK14	51	1	12			81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HIẾU TRUNG	BK14	57-58	2	7			79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NHÂN KHANH	BK14	55	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC HẢI	BK14	52	1	10			92	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN BÁ LINH	BK14	48-49	2	20			56	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM DUY PHÚC	BK14	53	1	12	1	10	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	11	747	15	151	5	52	1	10	CHUYEN 10 PAX BK9-BK14
2	BK14	11	862	13	103	1	10	20		
TOTAL		22	1.609	28	254	6	62	21		
WEIGHT KG			1.609		254		62			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THUY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 22/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: CTK3 - RCDM	CREW: LINH - XTRƯỜNG - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/3261	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM THANH HẢI (10749)	CTK3	92	1	6	2	35	73	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CÔNG AN	CTK3						67	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	83-84	2	18			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THIÊN TOAN	CTK3	90	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC GIAO	CTK3	87	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	89	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	91	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	97	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH DUC TRUNG	CTK3	81	1	13			90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	96	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
11	TỔNG TIẾN QUANG	CTK3	80	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	95	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	79	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC CHIÊN	CTK3	94	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	85	1	7			44	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TIẾN	CTK3	82	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	93	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN KHẮC THẮNG	CTK3	88	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG PHÚC THẮNG	CTK3	86	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	99	1	2			66	HVJOC	Vietnamese
21	PHAN VĂN TUẤN	CTK3	98	1	4			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	21	1.472	21	127	2	35	20		
2	RCDM	0	0	0	0	1	12	2		
TOTAL		21	1.472	21	127	3	47	22		
WEIGHT KG			1.472		127		47			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGO VĂN LINH

HÀ XUÂN TRƯỜNG

☐
☐